

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS - PT
Ngày 03 - 01 - 2024
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Phạm Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 139/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2023 và Thông báo số: 524/TB – TA ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Phan Thị C, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Kim Thành D, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Trần Thị M, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- Người kháng cáo: Bà Phan Thị C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm B trình bày: Vợ chồng bà Phan Thị C, ông Kim Thành D có tham gia 01 phần hội do bà làm đầu thảo dây hội khui ngày 15/4/2018 âl, loại hội 5.000.000đ/phần, gồm 36 phần. Bà C, ông D đóng hội đến lần thứ 8 thì kêu hốt hội, sau đó đóng hội chết được 10 lần thì ngưng và còn thiếu 26 lần hội chết với số tiền 130.000.000đ nên bà khởi kiện đòi trả số tiền 130.000.000đ.

Theo đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 11/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm B trình bày: Thực tế bà không có làm đầu thảo dây hội khui ngày 15/4/2018, giữa bà với bà Phan Thị C không có tham gia góp hội với nhau. Dây hội khui ngày 15/4/2018 là do bà Lương Thị V (Tám Đ) làm đầu thảo, loại hội 5.000.000 đồng, có 36 phần, bà Trần Thị M có nhờ bà tham gia dùm bà M 01 phần. Bà M đóng hội được 07 lần đến lần thứ 8 thì kêu hốt hội, kêu 1.750.000 đồng, sau khi trừ hoa hồng cho đầu thảo 2.500.000 đồng thì số tiền hốt được 123.500.000 đồng bà giao cho bà M, do bà M còn thiếu nợ tiền của bà nên bà M giao số tiền hốt hội này cho bà để trừ nợ. Do bà Phan Thị C thiếu nợ bà M nên khoản 02 -03 ngày sau khi hốt hội bà M có dẫn bà C đến gặp bà thỏa thuận là bà C sẽ đóng hội chết cho bà mỗi tháng thay bà M. Sau đó khoảng 02 -03 ngày bà M có đem Tờ cam kết ngày 15/11/2018 (bà M để nhằm ngày 30/11/2018 nên sửa lại 15/11/2018) do bà M làm sẵn đến chợ L cho bà và bà C xem lại rồi ký tên, lúc đó bà có hỏi bà C sao không có mặt ông Kim Thành D (chồng bà C) thì bà C nói ông D đi công việc nên bà C ký thay cho ông D. Bà C cho rằng bà C đóng được 04 lần với số tiền 20.000.000 đồng bà cũng đồng ý, nay bà yêu cầu bà C trả cho bà số tiền bà C cam kết đóng hội chết thay cho bà M theo Tờ cam kết ngày 15/11/2018 với số tiền 120.000.000 đồng (28 x 5.000.000 đồng – 20.000.000 đồng); đối với số tiền 10.000.000 đồng chênh lệch so với yêu cầu khởi kiện ban đầu (130.000.000 đồng) bà xin rút lại.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 16/8/2022, bị đơn bà Phan Thị C trình bày: Theo bà Nguyễn Thị Cẩm B cho rằng bà có tham gia 02 phần hội, trong đó gồm: Dây hội 5.000.000 đồng và dây hội 10.000.000 đồng. Từ tháng 11/2018 bà B có giao giấy cam kết đóng hội cho bà ký tên nhưng bà B không giao tiền hội cho bà và bà đã đóng hội đến tháng 7/2019 thì ngưng, cụ thể : (1) hội từ tháng 11/2018 đến ngày 05/3/2019, đóng 25.000.000đồng nhưng bà không có tiền đủ nên viết biên nhận mượn bà B 20.000.000đồng; (2) hội đến ngày 30/3/2019, đóng 15.000.000đồng nhưng bà không có tiền đủ nên viết biên nhận mượn bà B 17.000.000đồng; (3) hội đến ngày 30/4/2019, bà không có tiền đủ nên viết biên nhận mượn bà B 15.000.000đồng; (4) hội đến ngày 30/5/2019, bà không có tiền đủ nên viết biên nhận mượn bà B 10.000.000đồng; (5) hội đến ngày 30/6/2019, bà không có tiền đủ nên viết biên nhận mượn bà B 10.000.000đồng; (6) hội đến

ngày 30/7/2019, bà không có tiền đủ nên viết biên nhận mượn bà B 10.000.000đồng. Như vậy, vừa tiền hụi cộng với tiền lãi bà ký biên nhận mượn bà B bằng 82.000.000đồng, phần tiền từ tháng 12/2018 đến tháng 7/2019 là 08 tháng x 15.000.000đ/tháng = 120.000.000đồng và bà đóng tiền mặt 40.000.000đồng + tiền lãi 11.150.000đồng = 51.150.000đồng. Do bà B không có giao tiền hụi mà cứ bắt bà đóng hụi tổng cộng 51.150.000đồng nên bà có yêu cầu phản tố yêu cầu bà B trả cho bà số tiền 51.150.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản đối chất, hòa giải, biên bản công khai, tiếp cận chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm bà Phan Thị C trình bày: Bà thừa nhận giữa bà với bà B không có tham gia góp hụi gì với nhau, bà không có tham gia dây hụi khai ngày 15/4/2018, giữa bà với bà M, bà B có mối quan hệ bạn bè thân thiết với nhau. Liên quan đến Tờ cam kết ngày 15/11/2018 là do từ năm 2017 bà có làm ăn chung bà M và cũng trong năm 2017 do cần tiền cho em dâu trị bệnh, nên bà có mượn tiền bà M nhiều lần, khi thì 5000.000đồng, khi thì 10.000.000đồng, ... v ... v ... nhiều lần mượn, bà M cộng dồn đến giữa năm 2017 tổng cộng là 70.000.000đồng và đóng lãi 1.500.000đồng/tháng, đang nuôi bệnh chị dâu tại Bệnh viện, bà M cứ điện thoại đòi nợ, ép trả nợ gốc và còn ép mua cua giống bán ế, cứ khoảng 01 tuần là bà M tính tiền cua từ 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng nhiều lần như vậy, cộng dồn tiền lãi bắt đóng mỗi ngày là 200.000 đồng (5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày). Tính đến năm 2018, số tiền lãi bà đóng cho bà M hơn 600.000.000đồng nhưng không có ghi sổ, cũng không biên nhận nên bà không nhớ chính xác. Đến cuối năm 2018, bà M khoan nợ còn hơn 200.000.000đồng, bà không nhớ con số chính xác, rồi bà M tự viết tờ cam kết kêu bà đến Chợ Long V1 ký tên, còn bắt ép bà ký thay tên ông D, trước khi ký bà có biết nội dung là ký đóng hụi cho bà B thay cho bà M. Bà không đồng ý trả số tiền theo bà B yêu cầu vì thực tế bà không có chơi hụi với bà B, bà B cũng không có giao tiền hụi cho bà. Bà thừa nhận bà biết bà M thiếu tiền bà B nhưng không biết thiếu bao nhiêu nên bà M lập mưu làm Tờ cam kết ép buộc bà ký tên. Tại phiên tòa sơ thẩm (BL125) và tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (BL 96) bà C thừa nhận có thiếu tiền bà M và có sự thỏa thuận để bà C đóng hụi chết thay cho bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày: Bà với bà B, bà C có mối quan hệ bạn bè thân thiết với nhau. Bà có nhờ bà B tham gia 01 phần hụi khai ngày 15/4/2018 do bà Lương Thị V (Tám Đ) làm đầu thảo, loại hụi 5.000.000 đồng, có 36 phần. Bà đóng hụi được 07 lần, đến lần thứ 8 thì kêu hốt hụi, kêu 1.750.000 đồng, hốt được 123.500.000 đồng, bà giao số tiền hốt hụi này cho bà B để trừ nợ bà thiếu bà B. Do bà Phan Thị C thiếu nợ bà nên bà với bà C, bà B thỏa thuận là bà C sẽ đóng hụi chết cho bà B mỗi tháng 5.000.000 đồng thay bà. Sau khi làm xong Tờ cam kết bà đem đến chợ L1 cho bà B, bà C xem rồi bà C, bà B ký vào. Bà khẳng định số tiền này không liên quan đến số tiền mà bà B

khởi kiện bà ra Tòa án trước đây, cũng không liên quan đến số tiền 267.000.000 đồng mà bà đang khởi kiện bà C ra Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm B.

Buộc bà Phan Thị C trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm B số tiền 120.000.000 đồng (*bằng chữ*: một trăm, hai mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị C về việc đòi bà Nguyễn Thị Cẩm B trả số tiền 51.150.000đ (*bằng chữ*: năm mươi một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm B về số tiền 10.000.000đ (*bằng chữ*: mười triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, bị đơn bà Phan Thị C kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm B và buộc nguyên đơn bà B trả cho bà C số tiền 51.150.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm B không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Phan Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà C, bà B đều thừa nhận bà C đã trả được cho bà B theo Tờ cam kết ngày 15/11/2018 (loại hui 5.000.000đồng) và Tờ cam kết ngày 30/11/2018 (loại hui 10.000.000đồng) tổng số tiền 40.000.000 đồng; đối với số tiền lãi thì bà B thừa nhận bà C trả được 4.000.000 đồng. Bà B đồng ý căn trừ số tiền gốc 40.000.000 đồng và số tiền lãi 4.000.000 đồng mà bà C đã trả cho bà B vào số tiền 140.000.000 đồng mà bà C có nghĩa vụ trả cho bà B, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà B, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần 03 nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Trần Thị M.

[2] Theo bà Nguyễn Thị Cẩm B, bà Trần Thị M cho rằng dây hụi khai ngày 15/4/2018 là do bà Lương Thị V (Tám Đ) làm đầu thảo, loại hụi 5.000.000 đồng, có 36 phần, bà Trần Thị M có nhờ bà B tham gia dùm bà M 01 phần. Bà M đóng hụi được 07 lần đến lần thứ 8 thì kêu hốt hụi hốt được 123.500.000 đồng, do bà M còn thiếu nợ tiền của bà B nên bà M giao số tiền hốt hụi này cho bà B để trừ nợ. Do bà Phan Thị C thiếu tiền nợ bà M nên giữa bà M, bà C, bà B thỏa thuận bà C thay bà M đóng 28 lần hụi chết còn lại với số tiền 140.000.000 đồng cho bà B và bà M có làm Tờ cam kết ngày 15/11/2018 để các bên ký tên vào. Còn theo bà Phan Thị C cho rằng bà thừa nhận giữa bà B với bà không có tham gia góp hụi gì với nhau, bà không có tham gia dây hụi khai ngày 15/4/2018. Dây hụi này là bà M nhường lại cho bà, kêu bà hốt hụi nhưng bà B không giao tiền hụi cho bà mà bà B giao cho bà M; bà B với bà M cấu kết lừa bà đóng hụi chết cho bà B (*Lúc thì khai không biết dây hụi này, lúc thì khai biết ký để đóng hụi chết cho B thay M, lúc thì cho rằng bà B, bà M ép ký vào Tờ cam kết; lúc thì thừa nhận cả 03 thỏa thuận bà C đóng hụi chết cho bà B thay bà M nhưng cho rằng bà B đã khởi kiện bà M nên nay không đồng ý trả cho bà B theo Tờ cam kết; lúc thì thừa nhận có thiếu tiền bà M không có khả năng trả, nhờ bà M nhường hụi để đóng hụi chết thay cho bà M để trừ nợ (Bút lục 58 - 66, 93 - 98, 122- 128) và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/11/2023 thì bà C lại cho rằng số tiền theo Tờ cam kết ngày 15/11/2018 là bà C hỏi mượn nợ của bà B nhưng bà B chưa đưa tiền cho bà C*). Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà C thừa nhận chữ ký trong Tờ cam kết ngày 15/11/2018 là của bà C. Sau khi bà C ký tên vào Tờ cam kết trên thì bà C đã tiến hành thực hiện theo nội dung cam kết trong Tờ cam kết, cụ thể là bà C thừa nhận đã đóng 04 lần hụi chết cho bà B với số tiền 20.000.000 đồng. Theo lời khai của bà C thì phần hụi này bà M nhường lại cho bà C, khi hốt hụi bà B không đưa tiền hụi cho bà C, giữa bà B, bà M cấu kế lừa bà C để bà C đóng hụi chết cho bà B nhưng bà C không giải thích được lý do vì sao bà B không giao tiền hụi cho bà C mà bà C vẫn ký vào Tờ cam kết ngày 15/11/2018; bà C cho rằng bà B, bà M lừa dối bà C nhưng bà C sau đó vẫn tiến hành đóng hụi chết cho bà B được 04 lần. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22/6/2023, bà C cũng thừa nhận bà C có thiếu tiền bà M không có khả năng trả, nhờ bà M nhường hụi để đóng hụi chết thay cho bà M để trừ nợ (BL 125). Như vậy, từ những chứng cứ và phân tích trên có cơ sở khẳng định có sự việc thỏa thuận bà C đóng hụi chết cho bà B thay bà M của dây hụi khai ngày 15/4/2018 là do bà Lương Thị V (Tám Đ) làm đầu thảo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà C, bà B đều thừa nhận bà C đã trả được cho bà B theo Tờ cam kết ngày 15/11/2018 (loại hụi 5.000.000 đồng) và Tờ cam kết ngày 30/11/2018 (loại hụi 10.000.000 đồng, bà B không khởi kiện bà Cam T cam kết này) tổng số tiền 40.000.000 đồng. Đối với tiền lãi thì bà C cho rằng trả được 11.150.000 đồng còn bà B chỉ thừa nhận bà C trả lãi được 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà B cũng đồng ý căn trừ số tiền bà C đã trả cho bà B 44.000.000 đồng (gốc 40.000.000 đồng và lãi 4.000.000 đồng) vào số tiền 140.000.000 đồng mà bà C có nghĩa vụ trả cho bà B theo nội dung Tờ cam kết ngày 15/11/2018 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà B. Như vậy, theo Tờ cam kết ngày 15/11/2018 thì bà C phải có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 140.000.000 đồng, bà B đồng ý căn trừ số tiền 44.000.000 đồng vào số tiền 140.000.000 đồng nên bà C phải có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền còn nợ là 96.000.000 đồng.

[4] Từ những chứng cứ và phân tích trên [2], [3], Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà C là có cơ sở chấp nhận một phần.

[5] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm B phải chịu 1.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (5% x 24.000.000 đồng) nhưng được trừ vào số tiền 3.250.000 đồng tạm ứng án phí mà bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009517 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Bà B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư 2.050.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Buộc bà Phan Thị C phải chịu 4.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (5% x 96.000.000 đồng) nhưng được trừ vào số tiền 1.278.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai số 0009562 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, bà C phải nộp tiếp số tiền 3.522.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà C đã nộp theo biên lai số 0016005 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ các Điều 166, 370 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm B.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Phan Thị C.

Buộc bà Phan Thị C trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm B số tiền 96.000.000đ (Chín mươi sáu triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm B phải chịu 1.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (5% x 24.000.000 đồng) nhưng được trừ vào số tiền 3.250.000 đồng tạm ứng án phí mà bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009517 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Bà B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư 2.050.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Buộc bà Phan Thị C phải chịu 4.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (5% x 96.000.000 đồng) nhưng được trừ vào số tiền 1.278.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai số 0009562 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, bà C phải nộp tiếp số tiền 3.522.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà C đã nộp theo biên lai số 0016005 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Duyên Hải;
- Chi cục THADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng